

Số: 38/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1997. CCCD số 049197012044. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đức R, sinh năm 1994. CCCD số 049094016136. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Đ.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Đức R.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Đức R thống nhất thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Đức R có 02 người con chung là Huỳnh Lê Thiên P, sinh ngày 26/03/2016 và Huỳnh Lê Thiên L, sinh ngày 05/09/2024. Bà T và ông R thoả thuận, thống nhất giao con chung cho ông Huỳnh

Đức R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Đức R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006777 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 11-Đà Nẵng;
- UBND xã Thạnh Mỹ, TP Đà Nẵng (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2015, ngày 20/07/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ALăng Ping